

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Cường.
2. Ông Trần Đức Trình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2002; Căn cước công dân số: 046302008708 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/01/2022; địa chỉ: Thôn K (xã P cũ), xã P, thành phố H, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Trọng T, sinh năm 2000; Giấy chứng minh nhân dân số 192104184 do Công an tỉnh T cấp ngày 08/02/2018; địa chỉ: Số H đường T (phường T cũ), phường H, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 19 tháng 9 năm 2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Trọng T quen và tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/3/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường H, thành phố H). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của ba mẹ chồng ở địa chỉ Số H đường T (phường T cũ), phường H, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T còn ham chơi, không lo làm ăn, thường xuyên không về nhà. Tháng 9 năm 2024, chị H

bỏ về nhà ba mẹ đẻ sinh sống ở địa chỉ xã P, thành phố H, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Trọng T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên là Hoàng Trọng N, sinh ngày 23/4/2021, hiện nay cháu N đang ở với anh T và ông bà nội. Khi ly hôn, chị H yêu cầu giao cháu Hoàng Trọng N cho anh Hoàng Trọng T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nghi thành N1 (đủ 18 tuổi). Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nghi thành N1 (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hoàng Trọng T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh T, quá thời hạn quy định mà anh T vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 18/8/2025, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 04/9/2025, đồng thời tổng đạt các văn bản trên cho anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Hoàng Trọng T; giao cháu Hoàng Trọng N, sinh ngày 23/4/2021 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Trọng Nghi thành N1 (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nghi thành N1 (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Trọng T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Nguyễn Thị Thu H có mặt, anh Hoàng Trọng T vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Trọng T.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Hoàng Trọng T, có nơi cư trú tại Số H đường T, phường H, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Trọng T sau khi tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/3/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh T không đến, chứng tỏ, anh T không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Trọng T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Trọng T có 01 người con chung tên là Hoàng Trọng N, sinh ngày 23/4/2021. Hiện tại cháu N đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu người trực tiếp nuôi con của chị H, thấy rằng: Từ khi sống ly thân cho đến nay, cháu N do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vẫn ổn định về mọi mặt. Tại phiên tòa chị H yêu cầu giao con cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H. Giao cháu Hoàng Trọng N, sinh ngày 23/4/2021 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi); chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Trọng Nghi thành N1 (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Hoàng Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng N, sinh ngày 23/4/2021 cho anh Hoàng Trọng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi); Chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Trọng Nghi thành N1 (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo biên lai số 0003861 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế). Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế ;
- UBND phường Hương Thủy,
thành phố Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán án.

Lê Thị Quý Vân